

Bản án số: 26/2022/DS-ST

Ngày: 22.04.2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diệp Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Minh Hà

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đ, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 04 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đ, 137/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại TNHH D. Địa chỉ: Toà nhà C, số 109, phường C, quận H, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Thẩm Tuấn A, sinh năm 1992 theo văn bản ủy quyền ngày 16.11.2020 (Có mặt tại phiên tòa).

*** Bị đơn:**

1. Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1971. HKTT: số 15 ngõ 2, đường Q, tổ dân phố 10, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Ông Trần Ý Đ, sinh năm 1965. HKTT: số 1, dãy 3, ngõ 6 Bế Văn Đàn, tổ dân phố 4, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội. (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1943 (đã chết). HKTT: số 89, tổ 8, phường P, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội.

2. Anh Trần Song P, sinh năm 1994 (con ông Đ, bà T)

3. Anh Trần Hoàng D, sinh năm 2002 (con ông Đ, bà T)

4. Cháu Trần Nguyễn Minh C, sinh năm 2009 (con ông Đ, bà T - người đại diện: ông Trần Ý Đ)

Đều trú tại: số 1, dãy 3, ngõ 6, tổ dân phố 4, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà T:**

5. Ông Trần Đình Đ, sinh năm 1942 (chồng bà T)

6. Ông Trần Trọng V, sinh năm 1970 (con ông Đ, bà T)

7. Bà Trần Phương A, sinh năm 1967 (con ông Đ, bà T)

Đều trú tại: số 896, tổ 8, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

8. Ông Trần Ý Đ, sinh năm 1965 (con ông Đ, bà T). Trú tại: số 1, dãy 3, ngõ 6, tổ dân phố 4, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

Đều xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn trình bày:

Ngày 18.03.2011, Ngân hàng Thương mại TNHH D (gọi tắt là “GBank”) đã ký với bà Trần Thị Kim T và ông Trần Ý Đ hợp đồng tín dụng số 0081/HĐTD - GPBTLG/11 số tiền cho vay 2.600.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Mục đích vay: T toán tiền mua thửa đất số 100, tờ bản đồ số 04 tại thôn Phú Đô, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Phương thức vay: Ngắn hạn. Hình thức giải ngân: Chuyển khoản. Lãi suất: áp dụng thả nổi, thay đổi 01 tháng/01 lần. Kỳ đầu tiên là 22%/năm.

Thực hiện theo Hợp đồng, GBank đã giải ngân số tiền là **2.600.000.000 đồng** theo Khế ước nhận nợ số LD1107700011 ngày 18.03.2011.

Ngày 17.03.2011, hộ gia đình ông Trần Đình Đ bao gồm ông Trần Ý Đ, ông Trần Đình Đ, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Trọng Vĩnh đã tự nguyện thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 2, diện tích 44m² tại địa chỉ: Khu Công ty vật tư Y tế Hà Tây, phường Q, thị xã Hà Tây, tỉnh Hà Tây (nay là số 1 dãy 3 ngõ 6 phố Bế Văn Đàn, phường Q, quận Hà Đ, thành phố

Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 070687, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03907.QSĐĐ/HT do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 29.06.1998 cho hộ Trần Đình Đ theo hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất số 00700.11 quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17.03.2011 tại văn phòng công chứng Vạn Xuân và đã đăng ký thế chấp theo quy định.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Ngân hàng.

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn khởi kiện bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ đến TAND quận Hà Đ yêu cầu tòa án giải quyết:

- Buộc bà Trần Thị Kim T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dtoàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 25.07.2018 số tiền là: 7.440.035.355 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 2.600.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 91.823.482;
- Nợ lãi quá hạn: 4.4748.211.873;
- Và số tiền nợ lãi còn tiếp tục phát sinh sau ngày 25/07/2018.

- Buộc bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0081/HĐTD - GPBTLG/11 ngày 18 tháng 03 năm 2011 kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ trả hết nợ gốc cho ngân hàng GBank.

- Trường hợp bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ không trả nợ, trả nợ không đầy đủ, đề nghị cho xử lý tài sản đảm bảo để GBank thu hồi nợ.

* **Đối với bị đơn bà Trần Thị Kim T:** mặc dù được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được ý kiến, tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* **Ông Trần Ý Đ** trình bày: việc vay nợ giữa vợ ông là bà Trần Thị Kim T với Ngân hàng Thương mại TNHH D, ông không biết gì về việc này và ông không liên quan, từ khi ký hợp đồng vay thì ông không được cầm tiền, cũng không được sử dụng bất kỳ số tiền nào của bà T vay. Vì vậy, ông đề nghị tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ông xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Trần Trọng V, bà Trần Phương A** là con ông Trần Đình Đ và bà Nguyễn Thị T thống nhất trình bày: ông bà là con ông Đ và bà T, bà T đã mất đầu năm 2012. Giữa ông Đ và bà T chỉ có 03 người con là Trần Ý Đ, Trần Trọng V và Trần Phương A. Ngoài ra, giữa bà T và ông Đ không có con riêng hay con nuôi nào khác. Việc vay nợ giữa bà T, ông Đ với ngân hàng ông bà biết, nay ngân hàng khởi kiện, ông bà cho rằng việc vay nợ là của bà T và ông Đ, không liên quan gì đến ông bà. Đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin được vắng mặt tại phiên tòa và các buổi làm việc khác tại tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Trần Đình Đ** trình bày: Việc vay nợ giữa bà T, ông Đ với ngân hàng ông biết, nay ngân hàng khởi kiện, ông cho rằng đây là việc của bà T và ông Đ, không liên quan gì đến ông. Đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Anh Trần Song P, Anh Trần Hoàng D, cháu Trần Nguyễn Minh C** (con ông Đ, bà T): mặc dù được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được ý kiến, tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Đơn xin xác nhận hộ khẩu gốc ngày 17.03.2011 của bà Nguyễn Thị T và Công văn số 881/CAHD - QLHC ngày 01.04.2022 của Công an quận Hà Đ đã xác nhận tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - đầu năm 1998, hộ gia đình ông Trần Đình Đ gồm có: ông Trần Ý Đ, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Trọng V, ông Trần Đình Đ.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung ý kiến gì. Nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết:

Buộc bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại TNHH D toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 22.04.2022 là: 10.199.827.376 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 2.600.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 91.823.482 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 7.508.003.894 đồng;

- Buộc bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0081/HĐTD - GPBTLG/11 ngày 18 tháng 03 năm 2011 kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án

ra bản án cho đến ngày thực tế bà T, ông Đ trả hết nợ gốc cho ngân hàng GBank.

- Trường hợp bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ không trả nợ, trả nợ không đầy đủ, đề nghị cho xử lý tài sản đảm bảo để GBank thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên toà: Thẩm phán, Thư ký Toà án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên toà. Tại phiên toà: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người liên quan không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại TNHH D toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 22.04.2022 là: 10.199.827.376 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 2.600.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 91.823.482 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 7.508.003.894 đồng;
- Buộc bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0081/HĐTD - GPBTLG/11 ngày 18 tháng 03 năm 2011 kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế bà T, ông Đ trả hết nợ gốc cho ngân hàng GBank.

- Trường hợp bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ không trả nợ, trả nợ không đầy đủ, đề nghị cho xử lý tài sản đảm bảo để GBank thu hồi nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng:

* *Về quan hệ pháp luật:* Bà Trần Thị Kim T cùng chồng là ông Trần Ý Đ và Ngân hàng Thương mại TNHH D đã xác lập giao dịch dân sự thông qua việc kí kết Hợp đồng tín dụng số 0081/HĐTD -GPBTLG/11 ngày 18 tháng 03 năm 2011 nên xác định đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện:*

Tranh chấp trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng 0081/HĐTD – GPBTLG/11 ngày 18 tháng 03 năm 2011. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại quận Hà Đ, thành phố Hà Nội vì vậy Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo loại việc, theo cấp toà án và theo lãnh thổ quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn về việc đòi tiền cho vay Hợp đồng tín dụng. Vì vậy, xác định vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

* *Về thủ tục tố tụng khác:* Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có đề nghị gì về việc đưa thêm người vào tham gia tố tụng khi Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không xét.

[2] Về nội dung vụ án:

* *Về hiệu lực của hợp đồng:* Bà Trần Thị Kim T cùng chồng là ông Trần Ý Đ và Ngân hàng Thương mại TNHH D đã xác lập giao dịch dân sự thông qua việc kí kết Hợp đồng tín dụng số 0081/HĐTD – GPBTLG/11 ngày 18 tháng 03 năm 2011. Việc kí kết hợp đồng trên là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

* *Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn:*

Sau khi kí kết hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho bà Trần Thị Kim T (cùng chồng là ông Trần Ý Đ) số tiền 2.600.000.000đ (hai tỉ sáu trăm triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ số LD1107700011 ngày 18.03.2011. Bị đơn đã nhận đủ số tiền để sử dụng và đã T toán cho ngân hàng một phần tiền lãi. Sau đó, bị đơn không T toán tiếp cho Ngân hàng theo thỏa thuận nên đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng khởi kiện buộc bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ phải thanh toán trả số tiền nợ gốc là 2.600.000.000đ (hai tỉ sáu trăm triệu đồng) theo Hợp

đồng tín dụng số 0081/HĐTD – GPBTLG/11 ngày 18 tháng 03 năm 2011 là có căn cứ nên được chấp nhận.

* *Về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn*: Nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ phải trả số tiền nợ lãi (tính đến ngày 22.04.2022) trong hạn là 91.823.482 đồng, quá hạn là 7.508.003.894 đồng. Tổng là 7.599.827.376 đồng.

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng và các văn bản khác đã ký kết, hai bên đã tự nguyện thỏa thuận ký kết mức lãi suất cho vay là 22%/năm. Trường hợp lãi suất cơ bản do Thống đốc NHNN quy định có thay đổi, hai bên sẽ thỏa thuận để điều chỉnh lãi suất vay phù hợp với quy định của Tổng giám đốc NHNN Việt Nam. Lãi suất nợ quá hạn tối đa bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận.

Tại khoản 2 điều 90 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*. Việc chị Mai tự nguyện ký kết hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với các điều 388, 389, 390, 391, 402, 405 và 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 91, 95 và 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, do vậy buộc bị đơn phải trả số tiền nợ lãi (tính đến ngày 22.04.2022) là 7.599.827.376 đồng (bảy tỉ năm trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng) cho nguyên đơn.

Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 22.04.2022 số tiền là: 10.199.827.376 đồng (mười tỉ một trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 2.600.000.000 đồng (hai tỉ sáu trăm triệu đồng);
- Nợ lãi trong hạn: 91.823.482 đồng (chín mươi một triệu tám trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng);
- Nợ lãi quá hạn: 7.508.003.894 đồng (bảy tỉ năm trăm linh tám triệu ba nghìn tám trăm chín mươi tư đồng);
- Buộc bà Trần Thị Kim T phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0081/HĐTD – GPBTLG/11 ngày 18 tháng 03 năm 2011 kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế bà Trần Thị Kim T trả hết nợ gốc cho ngân hàng GBank.

* *Về yêu cầu kê biên phát mại tài sản đảm bảo của nguyên đơn*:

Nguyên đơn đề nghị tòa án tuyên: Nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng. Cụ thể là: Ngày 17.03.2011 hộ gia đình ông Trần Đình Đ đã tự nguyện thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 2, diện tích 44m² tại địa chỉ: Khu Công ty vật tư Y tế Hà Tây, phường Q, thị xã Hà Tây, tỉnh Hà Tây (nay là số 1, dãy 3 ngõ 6, phố Bế Văn Đàn, phường Q, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 070687, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03907.QSĐĐ/HT do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 29.06.1998 cho hộ Trần Đình Đ theo hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất số 00700.11 quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17.03.2011 tại văn phòng công chứng Vạn Xuân và đã đăng ký thế chấp theo quy định.

Vì những lý do trên, xét thấy: các thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp các bên tự ký kết có hiệu lực thi hành. Yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ là có căn cứ và được chấp nhận theo đúng nội dung của hợp đồng thế chấp.

** Về án phí và quyền kháng cáo:* Bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39, 147, 177, 220, khoản 2 các điều 227, 235, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 110, 160, 301, 317, 318, 323, 342, 343, 350, 351, 426, 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 91, 95, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định số 163 NĐ - CP ngày 29.12.2006 đã được sửa đổi theo nghị định 11/2012/ của Chính Phủ về giao dịch đảm bảo;

Căn cứ Quyết định 1627/2001/QĐ - NHNN ngày 31.12.2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng;

Căn cứ Nghị định số 75/2000/ NĐ - CP ngày 8.12.2000 của Chính Phủ về công chứng, chứng thực;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Mục I, Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại TNHH D đối với bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ.

2. Buộc bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại TNHH D tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0081/HĐTD-GPBTLG/11 ngày 18 tháng 03 năm 2011 tính đến ngày 22.04.2022 là **10.199.827.376 đồng (mười tỉ một trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng)**, trong đó số tiền gốc phải trả là 2.600.000.000 đồng (hai tỉ sáu trăm triệu đồng); Nợ lãi trong hạn: 91.823.482 đồng (chín mươi một triệu tám trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng); Nợ lãi quá hạn: 7.508.003.894 đồng (bảy tỉ năm trăm linh tám triệu ba nghìn tám trăm chín mươi tư đồng).

3. Buộc bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ phải tiếp tục trả số tiền nợ lãi tính theo lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng số 0081/HĐTD-GPBTLG/11 ngày 18 tháng 03 năm 2011 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại TNHH D. Trường hợp hợp đồng có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi cho vay theo từng thời kì thì cũng phải điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất vay của Ngân hàng.

4. Trong trường hợp bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ T toán khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương mại TNHH D được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng. Cụ thể là: quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 2, diện tích 44m² tại địa chỉ: Khu Công ty vật tư Y tế Hà Tây, phường Q, thị xã Hà Tây, tỉnh Hà Tây (nay là số 1, dãy 3, ngõ 6 phố Bế Văn Đàn, phường Q, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 070687, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03907.QSDĐ/HT do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 29.06.1998 cho hộ Trần Đình Đ theo hợp

đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất số 00700.11 quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17.03.2011 tại văn phòng công chứng Vạn Xuân.

5. Trong trường hợp số tiền phát mại, thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại TNHH D thì bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại TNHH D đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

6. Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ còn nợ Ngân hàng Thương mại TNHH D thì số tiền còn lại sau khi T toán khoản vay được trả cho người thế chấp tài sản.

7. Về án phí:

Bà Trần Thị Kim T, ông Trần Ý Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 118.199.827 đồng (một trăm mười tám triệu một trăm chín mươi chín nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại TNHH D số tiền tạm ứng án phí **57.700.000 đồng (năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng)** đã nộp tại biên lai số 0009708 ngày 30.10.2020 tại chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đ, thành phố Hà Nội.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội.;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đ;
- THADS quận Hà Đ;
- Đương sự
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Diệp Linh

